

LỊCH THI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2022 - 2023_ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG VÀ LIÊN THÔNG ĐẠI HỌC CÁC KHÓA KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC DỰ THI CỦA SINH VIÊN :

- Sinh viên phải đóng học phí đúng theo quy định của nhà trường.
- Sinh viên không có tên trong danh sách cấm thi.
- Sinh viên phải có mặt tại phòng thi trước giờ thi 15 phút để hoàn tất thủ tục dự thi cuối học kỳ.
- Khi vào phòng thi, sinh viên phải xuất trình thẻ sinh viên hoặc giấy tờ tùy thân có dán ảnh.
- Khi vào phòng thi, sinh viên không được sử dụng điện thoại di động và các thiết bị truyền tin.

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
15	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH01	48	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C310	DH_HK5 (22-23)
16	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH02	42	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
17	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH03	48	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C314	DH_HK5 (22-23)
18	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH04	32	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK5 (22-23)
19	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH05	33	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK5 (22-23)
20	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH06	40	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C410	DH_HK5 (22-23)
21	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH07	36	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C412	DH_HK5 (22-23)
22	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH08	42	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C414	DH_HK5 (22-23)
23	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH09	49	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
24	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH10	42	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C512	DH_HK5 (22-23)
25	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D20_TH11	39	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C514	DH_HK5 (22-23)
38	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D17_TH09	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
43	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH03	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
44	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH05	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
45	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH06	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
46	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH07	3	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
47	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D18_TH10	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
53	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH01	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
54	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH03	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
55	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH05	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
56	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH06	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
57	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	D19_TH09	1	Hai	26/12/2022	07 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
75	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH01	68	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
76	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH02	70	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
77	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH03	58	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
78	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH04	53	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
79	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH05	65	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
80	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH06	71	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
81	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH07	69	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
82	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH08	62	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C702 → C704	DH_HK3 (22-23)
83	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH09	62	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
84	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH10	72	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
85	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH11	60	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
86	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH12	64	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
87	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH13	67	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
88	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D21_TH14	61	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
92	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	L21_TH01	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
95	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_TH04	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
96	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_TH05	2	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
97	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_TH06	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
98	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_TH07	3	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
99	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_TH10	2	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
100	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D18_TH14	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
104	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D19_TH02	2	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
105	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D19_TH04	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
106	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D19_TH05	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
108	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D20_TH03	2	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
109	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D20_TH08	2	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
110	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D20_TH09	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
111	GS33003	Toán A3 (Đại số tuyến tính)	D20_TH11	1	Hai	26/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
175	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH01	50	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C310	DH_HK5 (22-23)
176	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH02	42	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
177	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH03	45	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C314	DH_HK5 (22-23)
178	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH04	31	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C401	DH_HK5 (22-23)
179	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH05	32	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C408	DH_HK5 (22-23)
180	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH06	39	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C410	DH_HK5 (22-23)
181	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH07	36	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C412	DH_HK5 (22-23)
182	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH08	44	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C414	DH_HK5 (22-23)
183	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH09	49	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
184	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH10	41	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C512	DH_HK5 (22-23)
185	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D20_TH11	38	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C514	DH_HK5 (22-23)
186	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D21_TH07	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C514	DH_HK5 (22-23)
187	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	C18_TH01	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C514	DH_HK5 (22-23)
188	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D17_TH05	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
189	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D17_TH09	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
190	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH01	7	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
191	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH02	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
192	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH03	3	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
193	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH04	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
194	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH05	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
195	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH07	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
196	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH08	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
197	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH09	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
198	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH10	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
199	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH11	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
200	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH12	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
201	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH13	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
202	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D18_TH14	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
203	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D19_TH01	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
204	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D19_TH02	2	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
205	CS09003	Nhập môn Web và ứng dụng	D19_TH09	1	Ba	27/12/2022	07 giờ 30	C308	DH_HK5 (22-23)
251	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH01	68	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
252	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH02	70	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
253	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH03	58	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
254	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH04	54	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
255	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH05	64	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
256	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH06	70	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
257	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH07	70	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
258	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH08	64	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
259	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH09	61	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
260	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH10	69	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
261	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH11	61	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
262	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH12	63	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
263	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH13	67	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
264	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D21_TH14	60	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
265	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH01	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
266	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH02	1	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
267	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH03	3	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
268	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH04	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
269	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH05	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
270	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH07	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
271	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D17_TH09	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
272	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH01	8	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
273	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH02	10	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
274	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH03	5	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
275	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH04	4	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
276	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH05	6	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
277	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH06	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
278	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH07	4	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
279	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH08	6	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
280	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH09	2	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
281	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH10	3	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
282	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH11	3	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
283	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH12	1	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
284	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D18_TH13	1	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
285	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH01	3	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
286	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH02	11	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
287	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH03	5	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
288	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH04	6	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
289	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH05	5	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
290	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH06	4	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
291	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH07	11	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
292	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH08	7	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
293	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D19_TH09	13	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
294	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH01	10	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
295	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH02	27	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
296	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH03	11	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
297	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH04	8	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
298	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH05	10	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
299	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH06	23	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK3 (22-23)
300	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH07	24	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK3 (22-23)
301	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH08	15	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK3 (22-23)
302	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH09	16	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C514	DH_HK3 (22-23)
303	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH10	14	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C514	DH_HK3 (22-23)
304	CS03003	Kỹ thuật lập trình	D20_TH11	20	Ba	27/12/2022	13 giờ 30	C514	DH_HK3 (22-23)
357	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH01	50	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C314	DH_HK5 (22-23)
358	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH02	42	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C408	DH_HK5 (22-23)
359	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH03	49	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C410	DH_HK5 (22-23)
360	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH04	31	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
361	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH05	29	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
362	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH06	39	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C412	DH_HK5 (22-23)
363	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH07	36	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C414	DH_HK5 (22-23)
364	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH08	43	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C501	DH_HK5 (22-23)
365	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH09	49	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C508	DH_HK5 (22-23)
366	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH10	41	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
367	CS03013	Công nghệ phần mềm	D20_TH11	38	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C512	DH_HK5 (22-23)
368	CS03013	Công nghệ phần mềm	L21_TH01	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C512	DH_HK5 (22-23)
369	CS03013	Công nghệ phần mềm	D17_TH09	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
370	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH01	3	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
371	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH02	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
372	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH03	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
373	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH04	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
374	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH07	2	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
375	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH10	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
376	CS03013	Công nghệ phần mềm	D18_TH13	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
377	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH02	4	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
378	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH03	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
379	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH05	3	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
380	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH06	2	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
381	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH07	3	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
382	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH08	1	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
383	CS03013	Công nghệ phần mềm	D19_TH09	2	Tư	28/12/2022	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
452	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH01	67	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
453	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH02	70	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
454	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH03	59	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
455	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH04	54	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
456	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH05	64	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
457	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH06	70	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
458	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH07	68	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
459	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH08	63	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
460	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH09	63	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
461	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH10	71	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
462	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH11	61	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
463	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH12	64	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
464	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH13	67	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
465	GS19003	Tiếng Anh 3	D21_TH14	61	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
466	GS19003	Tiếng Anh 3	D18_TH03	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
467	GS19003	Tiếng Anh 3	D18_TH06	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
468	GS19003	Tiếng Anh 3	D18_TH09	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
469	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_TH03	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
470	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_TH04	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
471	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_TH05	2	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
472	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_TH07	5	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
473	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_TH08	3	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
474	GS19003	Tiếng Anh 3	D19_TH09	6	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
475	GS19003	Tiếng Anh 3	D20_TH01	6	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
476	GS19003	Tiếng Anh 3	D20_TH03	4	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
477	GS19003	Tiếng Anh 3	D20_TH04	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
478	GS19003	Tiếng Anh 3	D20_TH05	4	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
479	GS19003	Tiếng Anh 3	D20_TH08	1	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
480	GS19003	Tiếng Anh 3	D20_TH11	7	Tư	28/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
516	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH01	32	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C706	DH_HK7 (22-23)
517	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH02	35	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C706	DH_HK7 (22-23)
518	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH03	29	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK7 (22-23)
519	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH04	34	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK7 (22-23)
520	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH05	36	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C801	DH_HK7 (22-23)
521	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH06	36	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C801	DH_HK7 (22-23)
522	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH07	32	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C803	DH_HK7 (22-23)
523	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH08	24	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C803	DH_HK7 (22-23)
524	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D19_TH09	26	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
525	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	L21_TH01	2	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
526	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D20_TH03	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
527	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D20_TH11	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
528	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D18_TH01	2	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
529	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D18_TH03	2	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
530	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D18_TH04	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
531	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D18_TH05	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
532	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D18_TH13	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
533	CS03033	Phát triển phần mềm nguồn mở	D18_TH14	1	Năm	29/12/2022	07 giờ 30	C804	DH_HK7 (22-23)
574	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH01 [STT01 - STT42]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C308	DH_HK1 (22-23)
575	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH01 [STT43 - STT84]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C310	DH_HK1 (22-23)
576	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH02 [STT01 - STT40]	40	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C312	DH_HK1 (22-23)
577	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH02 [STT41 - STT79]	39	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C314	DH_HK1 (22-23)
578	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH03 [STT01 - STT43]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C408	DH_HK1 (22-23)
579	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH03 [STT44 - STT85]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C410	DH_HK1 (22-23)
580	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH04 [STT01 - STT41]	41	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C412	DH_HK1 (22-23)
581	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH04 [STT42 - STT82]	41	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C414	DH_HK1 (22-23)
582	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH05 [STT01 - STT42]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C508	DH_HK1 (22-23)
583	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH05 [STT43 - STT84]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C510	DH_HK1 (22-23)
584	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH06 [STT01 - STT43]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C512	DH_HK1 (22-23)
585	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH06 [STT44 - STT86]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C514	DH_HK1 (22-23)
586	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH07 [STT01 - STT43]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
587	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH07 [STT44 - STT85]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
588	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH08 [STT01 - STT42]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
589	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH08 [STT43 - STT83]	41	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C605	DH_HK1 (22-23)
590	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH09 [STT01 - STT43]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C606	DH_HK1 (22-23)
591	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH09 [STT44 - STT86]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
592	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH10 [STT01 - STT43]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C701	DH_HK1 (22-23)
593	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH10 [STT44 - STT86]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
594	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH11 [STT01 - STT44]	44	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
595	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH11 [STT45 - STT88]	44	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C705	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
596	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH12 [STT01 - STT42]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C706	DH_HK1 (22-23)
597	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH12 [STT43 - STT84]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C708	DH_HK1 (22-23)
598	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH13 [STT01 - STT41]	41	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK1 (22-23)
599	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH13 [STT42 - STT82]	41	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
600	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH14 [STT01 - STT43]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
601	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH14 [STT44 - STT86]	43	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK1 (22-23)
602	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH15 [STT01 - STT42]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK1 (22-23)
603	GS19001	Tiếng Anh 1	D22_TH15 [STT43 - STT84]	42	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
604	GS19001	Tiếng Anh 1	D18_TH01	1	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
605	GS19001	Tiếng Anh 1	D19_TH08	1	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
606	GS19001	Tiếng Anh 1	D21_TH01	1	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
607	GS19001	Tiếng Anh 1	D21_TH04	2	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
608	GS19001	Tiếng Anh 1	D21_TH07	1	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
609	GS19001	Tiếng Anh 1	D21_TH09	1	Năm	29/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
640	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH01	48	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C410	DH_HK5 (22-23)
641	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH02	42	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C412	DH_HK5 (22-23)
642	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH03	44	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C414	DH_HK5 (22-23)
643	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH04	30	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
644	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH05	29	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C706	DH_HK5 (22-23)
645	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH06	39	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C401	DH_HK5 (22-23)
646	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH07	36	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C408	DH_HK5 (22-23)
647	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH08	40	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C510	DH_HK5 (22-23)
648	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH09	48	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C512	DH_HK5 (22-23)
649	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH10	41	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C514	DH_HK5 (22-23)
650	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D20_TH11	37	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
651	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	L21_TH01	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C301	DH_HK5 (22-23)
652	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D16_TH01	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
653	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D17_TH01	2	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
654	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D17_TH03	3	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
655	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D17_TH04	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
656	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D17_TH05	3	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
657	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D17_TH07	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
658	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D17_TH09	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
659	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH01	4	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
660	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH02	2	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
661	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH03	9	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
662	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH04	3	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
663	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH05	2	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
664	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH06	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
665	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH07	2	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
666	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH08	3	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
667	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH09	4	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
668	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH10	5	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
669	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH11	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
670	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH12	1	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
671	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH13	2	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
672	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D18_TH14	3	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
673	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH01	4	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C704	DH_HK5 (22-23)
674	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH02	9	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
675	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH03	3	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
676	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH04	10	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
677	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH05	11	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
678	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH06	9	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
679	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH07	8	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
680	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH08	7	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
681	CS03015	Lập trình hướng đối tượng	D19_TH09	4	Sáu	30/12/2022	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
744	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH01	65	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
745	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH02	62	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
746	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH03	58	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
747	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH04	55	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
748	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH05	61	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
749	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH06	65	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
750	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH07	50	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
751	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH08	63	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
752	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH09	62	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
753	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH10	70	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
754	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH11	57	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
755	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH12	63	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
756	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH13	58	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
757	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D21_TH14	59	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
758	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_TH01	2	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
759	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_TH02	2	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
760	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_TH04	2	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
761	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_TH07	4	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
762	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_TH08	1	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
763	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D19_TH09	2	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
764	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D20_TH02	1	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
765	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D20_TH09	1	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
766	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D20_TH10	2	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
767	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	D20_TH11	10	Sáu	30/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
799	CS03036	Lập trình Web	D19_TH01	30	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C605	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
800	CS03036	Lập trình Web	D19_TH02	30	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C605	DH_HK7 (22-23)
801	CS03036	Lập trình Web	D19_TH03	29	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C606	DH_HK7 (22-23)
802	CS03036	Lập trình Web	D19_TH04	31	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C606	DH_HK7 (22-23)
803	CS03036	Lập trình Web	D19_TH05	33	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK7 (22-23)
804	CS03036	Lập trình Web	D19_TH06	35	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C608	DH_HK7 (22-23)
805	CS03036	Lập trình Web	D19_TH07	30	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C701	DH_HK7 (22-23)
806	CS03036	Lập trình Web	D19_TH08	27	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C701	DH_HK7 (22-23)
807	CS03036	Lập trình Web	D19_TH09	25	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C708	DH_HK7 (22-23)
808	CS03036	Lập trình Web	D17_TH01	1	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
809	CS03036	Lập trình Web	D17_TH02	2	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
810	CS03036	Lập trình Web	D17_TH10	1	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
811	CS03036	Lập trình Web	D18_TH01	2	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
812	CS03036	Lập trình Web	D18_TH02	1	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
813	CS03036	Lập trình Web	D18_TH03	4	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
814	CS03036	Lập trình Web	D18_TH04	11	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
815	CS03036	Lập trình Web	D18_TH05	8	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
816	CS03036	Lập trình Web	D18_TH06	2	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
817	CS03036	Lập trình Web	D18_TH07	4	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
818	CS03036	Lập trình Web	D18_TH08	4	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
819	CS03036	Lập trình Web	D18_TH09	3	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
820	CS03036	Lập trình Web	D18_TH10	3	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
821	CS03036	Lập trình Web	D18_TH11	4	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
822	CS03036	Lập trình Web	D18_TH12	1	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
823	CS03036	Lập trình Web	D18_TH14	2	Bảy	31/12/2022	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
858	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH01 [STT01 - STT42]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C308	DH_HK1 (22-23)
859	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH01 [STT43 - STT84]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C310	DH_HK1 (22-23)
860	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH02 [STT01 - STT40]	40	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C312	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
861	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH02 [STT41 - STT80]	40	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C314	DH_HK1 (22-23)
862	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH03 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C408	DH_HK1 (22-23)
863	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH03 [STT44 - STT85]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C410	DH_HK1 (22-23)
864	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH04 [STT01 - STT41]	41	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C412	DH_HK1 (22-23)
865	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH04 [STT42 - STT82]	41	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C414	DH_HK1 (22-23)
866	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH05 [STT01 - STT42]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C508	DH_HK1 (22-23)
867	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH05 [STT43 - STT84]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C510	DH_HK1 (22-23)
868	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH06 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C512	DH_HK1 (22-23)
869	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH06 [STT44 - STT86]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C514	DH_HK1 (22-23)
870	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH07 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
871	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH07 [STT44 - STT85]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
872	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH08 [STT01 - STT42]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
873	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH08 [STT43 - STT83]	41	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C605	DH_HK1 (22-23)
874	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH09 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C606	DH_HK1 (22-23)
875	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH09 [STT44 - STT86]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
876	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH10 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C701	DH_HK1 (22-23)
877	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH10 [STT44 - STT86]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
878	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH11 [STT01 - STT44]	44	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
879	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH11 [STT45 - STT88]	44	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C705	DH_HK1 (22-23)
880	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH12 [STT01 - STT42]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C706	DH_HK1 (22-23)
881	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH12 [STT43 - STT84]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C708	DH_HK1 (22-23)
882	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH13 [STT01 - STT41]	41	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C801	DH_HK1 (22-23)
883	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH13 [STT42 - STT82]	41	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
884	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH14 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
885	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH14 [STT44 - STT86]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C805	DH_HK1 (22-23)
886	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH15 [STT01 - STT43]	43	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C806	DH_HK1 (22-23)
887	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D22_TH15 [STT44 - STT85]	42	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
888	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	L21_TH01	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
889	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	C18_TH01	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
890	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D17_TH02	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
891	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D17_TH03	2	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
892	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_TH01	2	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
893	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_TH05	2	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
894	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D18_TH10	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
895	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D19_TH04	3	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
896	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D19_TH07	2	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
897	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D19_TH08	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
898	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D20_TH01	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
899	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D20_TH03	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
900	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D20_TH04	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
901	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D20_TH05	3	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
902	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D20_TH07	2	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
903	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D20_TH11	2	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
904	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D21_TH01	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
905	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D21_TH10	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
906	GS33001	Toán A1 (Hàm 1 biến, chuỗi)	D21_TH12	1	Bảy	31/12/2022	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
937	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH01	34	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
938	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH02	37	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C604	DH_HK7 (22-23)
939	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH03	31	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C605	DH_HK7 (22-23)
940	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH04	34	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C605	DH_HK7 (22-23)
941	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH05	33	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C606	DH_HK7 (22-23)
942	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH06	36	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C606	DH_HK7 (22-23)
943	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH07	32	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C608	DH_HK7 (22-23)
944	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH08	20	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C608	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
945	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D19_TH09	25	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C508	DH_HK7 (22-23)
946	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	L21_TH01	2	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C508	DH_HK7 (22-23)
947	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D17_TH01	2	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
948	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D17_TH02	1	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
949	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D17_TH03	2	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
950	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D17_TH04	2	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
951	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D17_TH05	4	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
952	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D17_TH07	2	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
953	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH01	15	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
954	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH02	9	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
955	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH03	8	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
956	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH04	8	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
957	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH05	8	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C601	DH_HK7 (22-23)
958	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH06	4	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
959	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH07	4	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
960	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH08	9	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
961	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH09	8	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
962	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH10	10	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
963	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH11	7	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
964	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH12	7	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
965	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH13	5	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
966	CS09010	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	D18_TH14	1	Ba	03/01/2023	07 giờ 30	C603	DH_HK7 (22-23)
1001	GS43001	Vật lý 1	D22_TH01 [STT01 - STT42]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C308	DH_HK1 (22-23)
1002	GS43001	Vật lý 1	D22_TH01 [STT43 - STT84]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C310	DH_HK1 (22-23)
1003	GS43001	Vật lý 1	D22_TH02 [STT01 - STT40]	40	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C312	DH_HK1 (22-23)
1004	GS43001	Vật lý 1	D22_TH02 [STT41 - STT80]	40	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C314	DH_HK1 (22-23)
1005	GS43001	Vật lý 1	D22_TH03 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C408	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1006	GS43001	Vật lý 1	D22_TH03 [STT44 - STT85]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C410	DH_HK1 (22-23)
1007	GS43001	Vật lý 1	D22_TH04 [STT01 - STT41]	41	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C412	DH_HK1 (22-23)
1008	GS43001	Vật lý 1	D22_TH04 [STT42 - STT82]	41	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C414	DH_HK1 (22-23)
1009	GS43001	Vật lý 1	D22_TH05 [STT01 - STT42]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C508	DH_HK1 (22-23)
1010	GS43001	Vật lý 1	D22_TH05 [STT43 - STT84]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C510	DH_HK1 (22-23)
1011	GS43001	Vật lý 1	D22_TH06 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C512	DH_HK1 (22-23)
1012	GS43001	Vật lý 1	D22_TH06 [STT44 - STT86]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C514	DH_HK1 (22-23)
1013	GS43001	Vật lý 1	D22_TH07 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1014	GS43001	Vật lý 1	D22_TH07 [STT44 - STT85]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
1015	GS43001	Vật lý 1	D22_TH08 [STT01 - STT42]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1016	GS43001	Vật lý 1	D22_TH08 [STT43 - STT83]	41	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C605	DH_HK1 (22-23)
1017	GS43001	Vật lý 1	D22_TH09 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C606	DH_HK1 (22-23)
1018	GS43001	Vật lý 1	D22_TH09 [STT44 - STT86]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
1019	GS43001	Vật lý 1	D22_TH10 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C701	DH_HK1 (22-23)
1020	GS43001	Vật lý 1	D22_TH10 [STT44 - STT86]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
1021	GS43001	Vật lý 1	D22_TH11 [STT01 - STT44]	44	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)
1022	GS43001	Vật lý 1	D22_TH11 [STT45 - STT88]	44	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C705	DH_HK1 (22-23)
1023	GS43001	Vật lý 1	D22_TH12 [STT01 - STT42]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C706	DH_HK1 (22-23)
1024	GS43001	Vật lý 1	D22_TH12 [STT43 - STT84]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C708	DH_HK1 (22-23)
1025	GS43001	Vật lý 1	D22_TH13 [STT01 - STT41]	41	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C801	DH_HK1 (22-23)
1026	GS43001	Vật lý 1	D22_TH13 [STT42 - STT82]	41	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1027	GS43001	Vật lý 1	D22_TH14 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1028	GS43001	Vật lý 1	D22_TH14 [STT44 - STT86]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK1 (22-23)
1029	GS43001	Vật lý 1	D22_TH15 [STT01 - STT43]	43	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C806	DH_HK1 (22-23)
1030	GS43001	Vật lý 1	D22_TH15 [STT44 - STT85]	42	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1031	GS43001	Vật lý 1	C18_TH01	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1032	GS43001	Vật lý 1	D17_TH03	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1033	GS43001	Vật lý 1	D18_TH01	2	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1034	GS43001	Vật lý 1	D18_TH04	2	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1035	GS43001	Vật lý 1	D18_TH07	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1036	GS43001	Vật lý 1	D18_TH13	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1037	GS43001	Vật lý 1	D19_TH04	2	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1038	GS43001	Vật lý 1	D20_TH01	2	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1039	GS43001	Vật lý 1	D20_TH04	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1040	GS43001	Vật lý 1	D20_TH05	6	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1041	GS43001	Vật lý 1	D20_TH06	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1042	GS43001	Vật lý 1	D20_TH08	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1043	GS43001	Vật lý 1	D21_TH01	3	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1044	GS43001	Vật lý 1	D21_TH04	1	Ba	03/01/2023	13 giờ 30	C301	DH_HK1 (22-23)
1079	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH01	50	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C708	DH_HK5 (22-23)
1080	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH02	42	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C410	DH_HK5 (22-23)
1081	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH03	49	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C412	DH_HK5 (22-23)
1082	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH04	31	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C801	DH_HK5 (22-23)
1083	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH05	34	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C801	DH_HK5 (22-23)
1084	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH06	39	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C414	DH_HK5 (22-23)
1085	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH07	36	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C408	DH_HK5 (22-23)
1086	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH08	44	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C310	DH_HK5 (22-23)
1087	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH09	49	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C312	DH_HK5 (22-23)
1088	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH10	40	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C314	DH_HK5 (22-23)
1089	CS09009	Mạng máy tính	D20_TH11	39	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1090	CS09009	Mạng máy tính	L21_TH01	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1091	CS09009	Mạng máy tính	D17_TH09	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1092	CS09009	Mạng máy tính	D18_TH03	2	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1093	CS09009	Mạng máy tính	D18_TH12	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1094	CS09009	Mạng máy tính	D18_TH13	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1095	CS09009	Mạng máy tính	D18_TH14	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1096	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH01	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1097	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH02	4	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1098	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH03	3	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1099	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH04	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1100	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH05	2	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1101	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH06	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1102	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH07	1	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1103	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH08	2	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1104	CS09009	Mạng máy tính	D19_TH09	3	Tư	04/01/2023	07 giờ 30	C705	DH_HK5 (22-23)
1150	EE23205	Kỹ thuật số	D17_TH03	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1152	EE23205	Kỹ thuật số	D18_TH01	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1153	EE23205	Kỹ thuật số	D18_TH11	1	Tư	04/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1167	CS03005	Toán tin học	D21_TH01	67	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1168	CS03005	Toán tin học	D21_TH02	58	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1169	CS03005	Toán tin học	D21_TH03	58	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1170	CS03005	Toán tin học	D21_TH04	55	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
1171	CS03005	Toán tin học	D21_TH05	63	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
1172	CS03005	Toán tin học	D21_TH06	71	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
1173	CS03005	Toán tin học	D21_TH07	69	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1174	CS03005	Toán tin học	D21_TH08	63	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
1175	CS03005	Toán tin học	D21_TH09	62	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
1176	CS03005	Toán tin học	D21_TH10	72	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
1177	CS03005	Toán tin học	D21_TH11	56	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
1178	CS03005	Toán tin học	D21_TH12	64	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
1179	CS03005	Toán tin học	D21_TH13	67	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1180	CS03005	Toán tin học	D21_TH14	60	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
1181	CS03005	Toán tin học	D17_TH02	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1182	CS03005	Toán tin học	D18_TH01	2	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1183	CS03005	Toán tin học	D18_TH02	6	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1184	CS03005	Toán tin học	D18_TH03	3	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1185	CS03005	Toán tin học	D18_TH05	2	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1186	CS03005	Toán tin học	D18_TH07	3	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1187	CS03005	Toán tin học	D18_TH08	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1188	CS03005	Toán tin học	D18_TH09	3	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1189	CS03005	Toán tin học	D18_TH10	3	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1190	CS03005	Toán tin học	D18_TH11	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1191	CS03005	Toán tin học	D18_TH13	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1192	CS03005	Toán tin học	D18_TH14	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1193	CS03005	Toán tin học	D19_TH01	6	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1194	CS03005	Toán tin học	D19_TH02	6	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1195	CS03005	Toán tin học	D19_TH03	2	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1196	CS03005	Toán tin học	D19_TH04	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1197	CS03005	Toán tin học	D19_TH05	3	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1198	CS03005	Toán tin học	D19_TH06	4	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1199	CS03005	Toán tin học	D19_TH07	5	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1200	CS03005	Toán tin học	D19_TH08	2	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1201	CS03005	Toán tin học	D19_TH09	8	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1202	CS03005	Toán tin học	D20_TH01	8	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1203	CS03005	Toán tin học	D20_TH02	4	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1204	CS03005	Toán tin học	D20_TH03	5	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1205	CS03005	Toán tin học	D20_TH04	9	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1206	CS03005	Toán tin học	D20_TH05	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1207	CS03005	Toán tin học	D20_TH06	1	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1208	CS03005	Toán tin học	D20_TH07	2	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1209	CS03005	Toán tin học	D20_TH08	8	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1210	CS03005	Toán tin học	D20_TH09	5	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1211	CS03005	Toán tin học	D20_TH10	6	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1212	CS03005	Toán tin học	D20_TH11	3	Tư	04/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1276	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH01 [STT01 - STT42]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C308	DH_HK1 (22-23)
1277	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH01 [STT43 - STT84]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C310	DH_HK1 (22-23)
1278	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH02 [STT01 - STT40]	40	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C312	DH_HK1 (22-23)
1279	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH02 [STT41 - STT80]	40	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C314	DH_HK1 (22-23)
1280	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH03 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C408	DH_HK1 (22-23)
1281	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH03 [STT44 - STT85]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C410	DH_HK1 (22-23)
1282	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH04 [STT01 - STT41]	41	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C412	DH_HK1 (22-23)
1283	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH04 [STT42 - STT82]	41	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C414	DH_HK1 (22-23)
1284	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH05 [STT01 - STT42]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C508	DH_HK1 (22-23)
1285	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH05 [STT43 - STT84]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C510	DH_HK1 (22-23)
1286	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH06 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C512	DH_HK1 (22-23)
1287	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH06 [STT44 - STT86]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C514	DH_HK1 (22-23)
1288	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH07 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK1 (22-23)
1289	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH07 [STT44 - STT85]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK1 (22-23)
1290	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH08 [STT01 - STT42]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK1 (22-23)
1291	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH08 [STT43 - STT83]	41	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C605	DH_HK1 (22-23)
1292	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH09 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C606	DH_HK1 (22-23)
1293	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH09 [STT44 - STT86]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C608	DH_HK1 (22-23)
1294	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH10 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C701	DH_HK1 (22-23)
1295	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH10 [STT44 - STT86]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C703	DH_HK1 (22-23)
1296	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH11 [STT01 - STT44]	44	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C704	DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1297	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH11 [STT45 - STT88]	44	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C705	DH_HK1 (22-23)
1298	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH12 [STT01 - STT42]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C706	DH_HK1 (22-23)
1299	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH12 [STT43 - STT84]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C708	DH_HK1 (22-23)
1300	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH13 [STT01 - STT41]	41	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C801	DH_HK1 (22-23)
1301	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH13 [STT42 - STT82]	41	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1302	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH14 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1303	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH14 [STT44 - STT86]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK1 (22-23)
1304	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH15 [STT01 - STT43]	43	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C806	DH_HK1 (22-23)
1305	GS59001	Tin học đại cương	D22_TH15 [STT44 - STT85]	42	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1306	GS59001	Tin học đại cương	D18_TH03	1	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1307	GS59001	Tin học đại cương	D20_TH01	1	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1308	GS59001	Tin học đại cương	D20_TH04	1	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1309	GS59001	Tin học đại cương	D20_TH06	1	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1310	GS59001	Tin học đại cương	D21_TH04	1	Năm	05/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_HK1 (22-23)
1393	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH01	66	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1394	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH02	70	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1395	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH03	58	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1396	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH04	54	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
1397	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH05	64	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
1398	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH06	70	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
1399	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH07	68	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1400	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH08	64	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
1401	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH09	62	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
1402	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH10	71	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
1403	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH11	62	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
1404	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH12	62	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
1405	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH13	67	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1406	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D21_TH14	61	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
1407	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D15_TH02	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1408	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D17_TH01	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1409	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH01	8	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1410	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH02	6	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1411	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH03	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1412	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH04	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1413	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH05	3	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1414	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH07	4	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1415	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH08	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1416	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH09	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1417	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH10	3	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1418	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH11	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1419	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D18_TH13	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1420	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH01	4	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1421	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH02	5	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1422	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH03	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1423	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH05	11	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1424	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH06	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1425	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH07	3	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1426	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH08	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1427	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D19_TH09	7	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1428	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH01	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1429	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH02	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1430	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH03	4	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1431	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH04	6	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1432	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH05	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1433	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH08	5	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1434	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH09	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1435	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH10	1	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1436	CS09005	Nhập môn cấu trúc dữ liệu	D20_TH11	2	Sáu	06/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1493	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH01	65	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1494	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH02	58	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
1495	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH03	56	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
1496	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH04	52	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
1497	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH05	61	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1498	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH06	67	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
1499	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH07	49	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C514	DH_HK3 (22-23)
1500	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH08	63	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
1501	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH09	61	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
1502	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH10	70	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
1503	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH11	61	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
1504	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH12	63	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
1505	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH13	59	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)
1506	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D21_TH14	61	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1516	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D17_TH09	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1521	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH03	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
1522	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH05	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
1523	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH06	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
1524	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH07	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
1525	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D18_TH09	4	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK5 (22-23)
1530	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH01	2	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1531	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH04	4	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1532	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH05	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1533	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH06	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1534	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH07	5	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1535	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH08	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1536	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D19_TH09	4	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1541	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D20_TH01	4	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1542	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D20_TH02	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1543	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D20_TH03	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1544	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D20_TH04	3	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1545	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D20_TH09	1	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1546	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	D20_TH11	7	Bảy	07/01/2023	09 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1565	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D18_TH01	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1572	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D19_TH06	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1578	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH02	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1579	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH08	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1580	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH10	1	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1581	GS79005	Triết học Mác - Lênin	D20_TH11	3	Bảy	07/01/2023	15 giờ 30	C803	DH_HK1 (22-23)
1642	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH01	65	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C605	DH_HK3 (22-23)
1643	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH02	70	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C606	DH_HK3 (22-23)
1644	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH03	58	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C608	DH_HK3 (22-23)
1645	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH04	54	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C701	DH_HK3 (22-23)
1646	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH05	62	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C703	DH_HK3 (22-23)
1647	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH06	72	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C704	DH_HK3 (22-23)
1648	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH07	67	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C705	DH_HK3 (22-23)
1649	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH08	64	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C706	DH_HK3 (22-23)
1650	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH09	62	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C708	DH_HK3 (22-23)
1651	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH10	70	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C801	DH_HK3 (22-23)
1652	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH11	51	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C803	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1653	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH12	60	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C804	DH_HK3 (22-23)
1654	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH13	66	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C805	DH_HK3 (22-23)
1655	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D21_TH14	61	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C806	DH_HK3 (22-23)
1656	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D15_TH02	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1657	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D16_TH01	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1658	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D16_TH02	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1659	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D16_TH03	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1660	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D17_TH01	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1661	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D17_TH02	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1662	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D17_TH03	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1663	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D17_TH04	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1664	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH01	5	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1665	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH02	7	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1666	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH03	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1667	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH04	6	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1668	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH05	3	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1669	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH06	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1670	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH07	5	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1671	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH08	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1672	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH09	11	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1673	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH10	7	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1674	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH11	5	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C601	DH_HK3 (22-23)
1675	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH12	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1676	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH13	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1677	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D18_TH14	4	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1678	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH01	4	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1679	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH02	7	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1680	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH03	3	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1681	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH04	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1682	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH05	4	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1683	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH06	12	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1684	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH07	13	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1685	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH08	5	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C603	DH_HK3 (22-23)
1686	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D19_TH09	13	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1687	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH01	4	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1688	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH03	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1689	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH04	3	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1690	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH05	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1691	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH06	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1692	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH07	8	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1693	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH08	5	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1694	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH09	6	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1695	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH10	8	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1696	CS09006	Tổ chức cấu trúc máy tính	D20_TH11	2	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C604	DH_HK3 (22-23)
1697	GS43002	Vật lý 2	D17_TH06	1	Hai	09/01/2023	13 giờ 30	C808	DH_NKH (22-23)
1702	1CBTODC003	Toán A3 (Hàm nhiều biến, giải tích vector)	D16_TH02	1	Hai	09/01/2023	15 giờ 30	C601	DH_NKH (22-23)
1758	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D18_TH01	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1765	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH06	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1766	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH09	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1767	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH10	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1768	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D20_TH11	2	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1771	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	D21_TH01	1	Ba	10/01/2023	15 giờ 30	C804	DH_HK1 (22-23)
1810	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH01	5	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1811	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH02	6	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1812	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH03	12	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1813	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH04	1	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1814	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH05	5	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1815	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH06	8	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1816	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH07	8	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1817	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH08	9	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1818	GS09011	KHXHNV_Đại cương văn hóa Việt Nam	D19_TH09	4	Năm	12/01/2023	07 giờ 30	C703	DH_HK7 (22-23)
1920	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[01.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1921	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[01.00]_D19_TH03	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1922	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[01.00]_D19_TH06	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1923	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[01.00]_D19_TH07	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1924	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[01.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1925	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[01.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1926	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1927	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1928	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1929	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1930	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1931	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1932	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1933	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D19_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1934	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D17_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1935	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1936	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[02.00]_D18_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1937	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1938	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1939	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D19_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1940	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D19_TH05	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1941	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1942	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1943	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D18_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1944	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[03.00]_D18_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1945	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D19_TH01	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1946	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D19_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1947	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1948	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1949	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1950	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D18_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1951	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[04.00]_D18_TH14	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1952	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D19_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1953	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D19_TH02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1954	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D19_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1955	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1956	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1957	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D19_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1958	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_L21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1959	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D17_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1960	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1961	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[05.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1962	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[06.00]_D19_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1963	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[06.00]_D19_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1964	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[06.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1965	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[06.00]_D19_TH04	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1966	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[06.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1967	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[06.00]_D19_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1968	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[07.00]_D19_TH03	9		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1969	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[07.00]_D19_TH08	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1970	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[08.00]_D19_TH02	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1971	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[08.00]_D19_TH06	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1972	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[08.00]_D19_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1973	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH01	4		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1974	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH02	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1975	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1976	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH04	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1977	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH05	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1978	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH07	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1979	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D19_TH09	4		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1980	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D18_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1981	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[09.00]_D18_TH10	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1982	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1983	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH02	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1984	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH04	8		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1985	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1986	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1987	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1988	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D19_TH09	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1989	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D18_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1990	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[10.00]_D18_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1991	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[11.00]_D19_TH02	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1992	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[11.00]_D19_TH04	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
1993	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[11.00]_D19_TH06	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
1994	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[11.00]_D19_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1995	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[12.00]_D19_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1996	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[12.00]_D19_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1997	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[12.00]_D19_TH05	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1998	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[12.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
1999	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[12.00]_D19_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2000	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[13.00]_D19_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2001	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[13.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2002	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[13.00]_D19_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2003	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[13.00]_D19_TH05	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2004	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[13.00]_D19_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2005	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[13.00]_D19_TH09	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2006	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[14.00]_D19_TH05	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2007	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[14.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2008	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[14.00]_D19_TH09	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2009	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[15.00]_D19_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2010	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[15.00]_D19_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2011	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[15.00]_D19_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2012	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[15.00]_D19_TH06	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2013	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[15.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2014	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[15.00]_D18_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2015	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH01	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2016	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2017	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2018	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2019	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH05	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2020	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2021	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH07	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2022	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D19_TH08	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2023	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2024	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2025	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2026	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D18_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2027	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[16.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2028	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[17.00]_D19_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2029	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[17.00]_D19_TH02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2030	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[17.00]_D19_TH03	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2031	CS03029	Đồ án Chuyên ngành	[17.00]_D19_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2164	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH01	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2165	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH02	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2166	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2167	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH04	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2168	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH05	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2169	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH06	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2170	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH08	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2171	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D19_TH09	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2172	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D18_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2173	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D18_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2174	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[01.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2175	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH01	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2176	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH02	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2177	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH03	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2178	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2179	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH06	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2180	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH07	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2181	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D19_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2182	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[02.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2183	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2184	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2185	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2186	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH04	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2187	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH05	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2188	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH06	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2189	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2190	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2191	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D19_TH09	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2192	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_L21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2193	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[03.00]_D18_TH12	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2194	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH01	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2195	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2196	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH04	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2197	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH05	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2198	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH06	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2199	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH08	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2200	CS03030	Đồ án Phân tích thiết kế hệ thống thông tin	[04.00]_D19_TH09	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2243	CS03014	Đồ án tin học	[01.00]_D20_TH01	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2244	CS03014	Đồ án tin học	[01.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2245	CS03014	Đồ án tin học	[01.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2246	CS03014	Đồ án tin học	[01.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2247	CS03014	Đồ án tin học	[01.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2248	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D20_TH01	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2249	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D20_TH02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2250	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D20_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2251	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2252	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D18_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2253	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D18_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2254	CS03014	Đồ án tin học	[02.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2255	CS03014	Đồ án tin học	[03.00]_D20_TH08	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2256	CS03014	Đồ án tin học	[03.00]_D20_TH09	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2257	CS03014	Đồ án tin học	[03.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2258	CS03014	Đồ án tin học	[03.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2259	CS03014	Đồ án tin học	[04.00]_D20_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2260	CS03014	Đồ án tin học	[04.00]_D20_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2261	CS03014	Đồ án tin học	[04.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2262	CS03014	Đồ án tin học	[04.00]_D20_TH10	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2263	CS03014	Đồ án tin học	[04.00]_D20_TH11	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2264	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2265	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D20_TH03	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2266	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D20_TH04	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2267	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2268	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2269	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2270	CS03014	Đồ án tin học	[05.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2271	CS03014	Đồ án tin học	[06.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2272	CS03014	Đồ án tin học	[06.00]_D20_TH07	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2273	CS03014	Đồ án tin học	[06.00]_D20_TH08	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2274	CS03014	Đồ án tin học	[07.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2275	CS03014	Đồ án tin học	[07.00]_D20_TH05	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2276	CS03014	Đồ án tin học	[07.00]_D20_TH06	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2277	CS03014	Đồ án tin học	[07.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2278	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D20_TH02	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2279	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D20_TH03	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2280	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2281	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D16_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2282	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D19_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2283	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2284	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2285	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2286	CS03014	Đồ án tin học	[08.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2287	CS03014	Đồ án tin học	[09.00]_D20_TH06	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2288	CS03014	Đồ án tin học	[09.00]_D20_TH07	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2289	CS03014	Đồ án tin học	[09.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2290	CS03014	Đồ án tin học	[10.00]_D20_TH03	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2291	CS03014	Đồ án tin học	[10.00]_D20_TH04	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2292	CS03014	Đồ án tin học	[10.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2293	CS03014	Đồ án tin học	[10.00]_D19_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2294	CS03014	Đồ án tin học	[10.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2295	CS03014	Đồ án tin học	[11.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2296	CS03014	Đồ án tin học	[11.00]_D20_TH08	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2297	CS03014	Đồ án tin học	[11.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2298	CS03014	Đồ án tin học	[12.00]_D20_TH09	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2299	CS03014	Đồ án tin học	[12.00]_D20_TH10	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2300	CS03014	Đồ án tin học	[13.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2301	CS03014	Đồ án tin học	[13.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2302	CS03014	Đồ án tin học	[13.00]_D20_TH05	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2303	CS03014	Đồ án tin học	[13.00]_D20_TH06	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2304	CS03014	Đồ án tin học	[13.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2305	CS03014	Đồ án tin học	[14.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2306	CS03014	Đồ án tin học	[14.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2307	CS03014	Đồ án tin học	[14.00]_D20_TH10	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2308	CS03014	Đồ án tin học	[14.00]_D20_TH11	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2309	CS03014	Đồ án tin học	[15.00]_D20_TH02	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2310	CS03014	Đồ án tin học	[15.00]_D20_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2311	CS03014	Đồ án tin học	[15.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2312	CS03014	Đồ án tin học	[15.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2313	CS03014	Đồ án tin học	[15.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2314	CS03014	Đồ án tin học	[15.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2315	CS03014	Đồ án tin học	[16.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2316	CS03014	Đồ án tin học	[16.00]_D20_TH09	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2317	CS03014	Đồ án tin học	[16.00]_D20_TH10	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
2354	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[01.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2359	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[03.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2360	GS99001	Giáo dục thể chất 1	[03.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2380	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[01.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2381	GS99002	Giáo dục thể chất 2	[01.00]_D21_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
2408	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[01.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2434	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[11.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2436	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[12.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2455	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[19.00]_D21_TH01	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2456	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[19.00]_D21_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2457	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[20.00]_D21_TH01	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2458	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[20.00]_D21_TH02	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2461	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[21.00]_D21_TH02	46	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2463	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[22.00]_D21_TH03	33	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2464	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[22.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2465	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[22.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2466	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[22.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2467	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[22.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2469	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[23.00]_D21_TH03	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2470	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[23.00]_D21_TH04	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2471	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[24.00]_D21_TH04	41	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2472	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2473	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D21_TH05	36	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2474	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D21_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2475	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D21_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2476	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2477	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2478	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[25.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2479	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[26.00]_D21_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2480	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[26.00]_D21_TH05	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2481	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[26.00]_D21_TH06	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2482	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[26.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2483	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[26.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2484	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[27.00]_D21_TH06	45	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2485	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[28.00]_D21_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2486	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[28.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2487	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[28.00]_D21_TH07	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2488	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[28.00]_D21_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2489	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[29.00]_D21_TH07	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2490	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[29.00]_D21_TH08	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2491	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[29.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2492	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[30.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2493	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[30.00]_D21_TH08	39	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2494	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[31.00]_D21_TH09	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2495	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[31.00]_D21_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2498	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[32.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2499	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[32.00]_D21_TH09	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2500	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[32.00]_D21_TH10	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2501	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[33.00]_D21_TH10	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2502	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[34.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2503	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[34.00]_D21_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2504	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[34.00]_D21_TH11	38	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2505	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D21_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2506	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2507	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D21_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2508	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D21_TH12	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2509	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2510	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2511	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2512	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2513	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[35.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2514	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[36.00]_D21_TH12	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2515	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[37.00]_D21_TH11	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2516	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[37.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2517	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[37.00]_D21_TH13	40	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2518	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[37.00]_D21_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2519	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[37.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2521	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[38.00]_D21_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2522	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[38.00]_D21_TH13	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2523	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[38.00]_D21_TH14	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2524	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[39.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2525	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[39.00]_D21_TH14	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2543	GS93003	Giáo dục thể chất 3	[45.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2551	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[01.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2578	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[11.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2581	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[12.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2601	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[19.00]_D21_TH01	42	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2602	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[19.00]_D21_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2603	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[20.00]_D21_TH01	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2604	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[20.00]_D21_TH02	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2605	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[20.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2608	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[21.00]_D21_TH02	46	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2610	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[22.00]_D21_TH03	33	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2611	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[22.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2612	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[22.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2613	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[22.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2614	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[22.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2616	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[23.00]_D21_TH03	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2617	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[23.00]_D21_TH04	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2618	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[23.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2619	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[23.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2620	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[24.00]_D21_TH04	41	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2621	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[25.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2622	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[25.00]_D21_TH05	36	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2623	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[25.00]_D21_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2624	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[25.00]_D21_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2625	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[25.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2626	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[25.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2627	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[26.00]_D21_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2628	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[26.00]_D21_TH05	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2629	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[26.00]_D21_TH06	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2630	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[26.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2631	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[26.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2632	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[27.00]_D21_TH06	45	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2633	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[28.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2634	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[28.00]_D21_TH07	41	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2635	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[28.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2636	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[29.00]_D21_TH07	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2637	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[29.00]_D21_TH08	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2638	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[29.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2639	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[30.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2640	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[30.00]_D21_TH08	39	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2641	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[31.00]_D21_TH09	42	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2642	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[31.00]_D21_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2645	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[32.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2646	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[32.00]_D21_TH09	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2647	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[32.00]_D21_TH10	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2648	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[32.00]_D21_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2649	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[33.00]_D21_TH10	44	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2650	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[34.00]_D21_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2651	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[34.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2652	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[34.00]_D21_TH11	35	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2653	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2654	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D21_TH11	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2655	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D21_TH12	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2656	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2657	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2658	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2659	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[35.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2660	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[36.00]_D21_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2661	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[36.00]_D21_TH12	41	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2662	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[37.00]_D21_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2663	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[37.00]_D21_TH11	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2664	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[37.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2665	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[37.00]_D21_TH13	37	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2666	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[37.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2668	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[38.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2669	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[38.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2670	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[38.00]_D21_TH13	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2671	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[38.00]_D21_TH14	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2672	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[39.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2673	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[39.00]_D21_TH14	43	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2688	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[43.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2694	GS93004	Giáo dục thể chất 4	[45.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
2728	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D19_TH01	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2729	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D19_TH02	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2730	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D19_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2731	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2732	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2733	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2734	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D20_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2735	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[02.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2739	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D19_TH03	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2740	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D19_TH04	33	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2741	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D19_TH05	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2742	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2743	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D19_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2744	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[03.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2746	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2747	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2748	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2749	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH05	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2750	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH06	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2751	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH07	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2752	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[04.00]_D19_TH08	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2753	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D19_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2754	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D19_TH05	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2755	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2756	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D19_TH07	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2757	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D19_TH08	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2758	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D19_TH09	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2759	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D20_TH01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2760	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2761	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2762	GS09012	KHXHNV_Kỹ năng giao tiếp	[05.00]_D20_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2812	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH01	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2813	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH02	34	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2814	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2815	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2816	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2817	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2818	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2820	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2821	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D18_TH01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2822	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2823	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH03	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2824	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH04	30	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2825	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH05	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2826	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D17_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2827	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2828	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D18_TH02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2829	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D18_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2830	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_C18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2831	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH05	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2832	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH06	30	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2833	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH07	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2834	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2835	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2836	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2837	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2838	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2839	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2840	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2841	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2842	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH14	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2843	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2844	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2845	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2846	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2847	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH07	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2848	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH08	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2849	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH09	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2850	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D18_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2851	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D18_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2852	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D18_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2853	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2854	CS03038	Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D18_TH14	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2855	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH01	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2856	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH02	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2857	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2858	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH04	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2859	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2860	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH06	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2861	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2862	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2863	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D17_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2864	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D17_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2865	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D17_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
2866	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2867	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2868	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2869	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2870	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2871	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH13	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2872	CS03037	Lập trình Windows	[01.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2873	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2874	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH05	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2875	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH07	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2876	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2877	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH09	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2878	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2879	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2880	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2881	CS03037	Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
2941	CS09001	Nhập môn lập trình	[01.00]_C18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				CD_NKH (22-23)
3032	EE23206	Thí nghiệm Kỹ thuật số	[02.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3039	EE23206	Thí nghiệm Kỹ thuật số	[05.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3075	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[02.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3076	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[02.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3079	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[05.00]_D22_TH01	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3081	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[06.00]_D22_TH01	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3082	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[06.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3083	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[07.00]_D22_TH01	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3084	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[08.00]_D22_TH02	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3085	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[08.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3086	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[09.00]_D22_TH02	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3087	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[10.00]_D22_TH02	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3089	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[11.00]_D22_TH03	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3091	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[12.00]_D22_TH03	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3092	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[12.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3093	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[13.00]_D22_TH03	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3094	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[13.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3095	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[14.00]_D22_TH04	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3096	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[14.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3097	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[14.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3098	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[15.00]_D22_TH04	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3099	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[16.00]_D22_TH04	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3100	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[17.00]_D22_TH05	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3101	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[18.00]_D22_TH05	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3102	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[19.00]_D22_TH05	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3103	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[20.00]_D22_TH06	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3104	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[21.00]_D22_TH06	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3105	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[22.00]_D22_TH06	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3106	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[23.00]_D22_TH07	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3107	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[24.00]_D22_TH07	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3108	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[25.00]_D22_TH07	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3109	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[26.00]_D22_TH08	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3110	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[27.00]_D22_TH08	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3111	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[28.00]_D22_TH08	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3112	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[29.00]_D22_TH09	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3113	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[30.00]_D22_TH09	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3114	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[31.00]_D22_TH09	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3115	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[32.00]_D22_TH10	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3116	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[33.00]_D22_TH10	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3117	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[34.00]_D22_TH10	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3118	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[35.00]_D22_TH11	30	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3119	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[36.00]_D22_TH11	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3120	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[37.00]_D22_TH11	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3121	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[38.00]_D22_TH12	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3122	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[39.00]_D22_TH12	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3123	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[40.00]_D22_TH12	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3134	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[49.00]_D22_TH13	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3135	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[50.00]_D22_TH13	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3136	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[51.00]_D22_TH13	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3137	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[52.00]_D22_TH14	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3138	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[53.00]_D22_TH14	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3139	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[54.00]_D22_TH14	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3140	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[55.00]_D22_TH15	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3141	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[56.00]_D22_TH15	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3142	GS49004	Thí nghiệm Vật lý_Phần 1	[57.00]_D22_TH15	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
3181	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D21_TH01	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3182	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3183	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D21_TH11	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3184	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3185	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3186	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3187	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[01.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3188	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D21_TH01	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3189	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3190	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D18_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3191	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D18_TH10	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3192	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D18_TH11	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3193	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D18_TH14	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3194	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D20_TH01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3195	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[02.00]_D20_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3196	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH01	16		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3197	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3198	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH04	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3199	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3200	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH08	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3201	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3202	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D21_TH11	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3203	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D19_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3204	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D19_TH02	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3205	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[03.00]_D20_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3206	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[04.00]_D21_TH02	22		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3207	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[04.00]_D21_TH12	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3208	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[04.00]_D19_TH04	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3209	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[04.00]_D20_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3210	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[05.00]_D21_TH02	23		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3211	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[05.00]_D21_TH12	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3212	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[05.00]_D19_TH07	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3213	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[06.00]_D21_TH02	24		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3214	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[06.00]_D21_TH11	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3215	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[06.00]_D19_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3216	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D21_TH03	14		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3217	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D21_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3218	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3219	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D21_TH11	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3220	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D21_TH14	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3221	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D19_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3222	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D20_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3223	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D20_TH02	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3224	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D20_TH09	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3225	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[07.00]_D20_TH10	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3226	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[08.00]_D21_TH03	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3227	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[08.00]_D20_TH02	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3228	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D21_TH01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3229	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D21_TH03	16		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3230	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D21_TH05	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3231	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D21_TH11	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3232	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D21_TH14	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3233	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D19_TH01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3234	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[09.00]_D19_TH03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3235	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[10.00]_D21_TH04	18		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3236	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[10.00]_D21_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3237	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[10.00]_D19_TH09	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3238	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[10.00]_D20_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3239	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[11.00]_D21_TH04	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3240	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[11.00]_D21_TH06	4		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3241	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[11.00]_D21_TH12	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3242	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[11.00]_D20_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3243	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[12.00]_D21_TH01	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3244	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[12.00]_D21_TH03	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3245	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[12.00]_D21_TH04	12		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3246	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[12.00]_D21_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3247	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[12.00]_D21_TH09	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3248	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[12.00]_D20_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3249	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[13.00]_D21_TH04	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3250	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[13.00]_D21_TH05	15		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3251	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[13.00]_D21_TH09	4		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3252	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[13.00]_D21_TH10	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3253	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[13.00]_D19_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3254	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[13.00]_D20_TH03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3255	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[14.00]_D21_TH05	21		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3256	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[14.00]_D21_TH08	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3257	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[14.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3258	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[14.00]_D20_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3259	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[14.00]_D20_TH08	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3260	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[15.00]_D21_TH05	18		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3261	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[15.00]_D21_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3262	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[15.00]_D21_TH12	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3263	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[15.00]_D20_TH09	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3264	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[16.00]_D21_TH06	18		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3265	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[16.00]_D21_TH09	6		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3266	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[16.00]_D20_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3267	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[16.00]_D20_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3268	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[16.00]_D20_TH10	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3269	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[17.00]_D21_TH06	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3270	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[18.00]_D21_TH06	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3271	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[18.00]_D20_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3272	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[19.00]_D21_TH07	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3273	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[20.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3274	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[20.00]_D21_TH07	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3275	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[20.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3276	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[21.00]_D21_TH07	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3277	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[21.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3278	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[22.00]_D21_TH08	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3279	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[22.00]_D21_TH10	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3280	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[22.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3281	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[22.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3282	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[23.00]_D21_TH08	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3283	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[23.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3284	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[23.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3285	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[26.00]_D21_TH03	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3286	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[26.00]_D21_TH09	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3287	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[26.00]_D20_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3288	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[27.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3289	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[27.00]_D21_TH08	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3290	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[27.00]_D21_TH09	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3291	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[27.00]_D18_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3292	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[27.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3293	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[27.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3294	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[28.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3295	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[28.00]_D21_TH10	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3296	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[28.00]_D20_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3297	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[29.00]_D21_TH10	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3298	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[29.00]_D20_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3299	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[29.00]_D20_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3300	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[30.00]_D21_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3301	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[30.00]_D21_TH10	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3302	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[30.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3303	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[30.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3304	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[30.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3305	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[30.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3306	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[31.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3307	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[31.00]_D21_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3308	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[31.00]_D20_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3309	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[32.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3310	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[32.00]_D21_TH11	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3311	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[32.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3312	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[32.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3313	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[33.00]_D21_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3314	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[33.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3315	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[33.00]_D21_TH11	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3316	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[33.00]_D20_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3317	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[33.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3318	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[34.00]_D21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3319	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[34.00]_D21_TH09	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3320	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[34.00]_D21_TH12	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3321	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[35.00]_D21_TH01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3322	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[35.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3323	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[35.00]_D21_TH12	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3324	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[36.00]_D21_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3325	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[36.00]_D21_TH12	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3326	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[36.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3327	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[36.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3328	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[36.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3329	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[37.00]_D21_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3330	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[37.00]_D21_TH13	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3331	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[37.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3332	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[38.00]_D21_TH13	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3333	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[38.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3334	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[38.00]_D20_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3335	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[39.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3336	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[39.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3337	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[39.00]_D21_TH13	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3338	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[40.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3339	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[40.00]_D21_TH14	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3340	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[40.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3341	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[40.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3342	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[40.00]_D20_TH11	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3343	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[41.00]_D21_TH14	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3344	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[41.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3345	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[41.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3346	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[41.00]_D20_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3347	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[41.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3348	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[41.00]_D20_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3349	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[42.00]_D21_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3350	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[42.00]_D21_TH10	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3351	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[42.00]_D21_TH14	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3352	CS03004	Thực hành Kỹ thuật lập trình	[42.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3353	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH01	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3354	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH06	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3355	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D19_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3356	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D18_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3357	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[01.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3358	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3359	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH02	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3360	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3361	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3362	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[02.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3363	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3364	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH02	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3365	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3366	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3367	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3368	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3369	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[03.00]_D18_TH02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3370	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH03	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3371	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3372	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3373	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[04.00]_D18_TH02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3374	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[05.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3375	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[05.00]_D19_TH04	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3376	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[05.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3377	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[05.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3378	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[05.00]_D18_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3379	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[06.00]_D19_TH04	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3380	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[06.00]_D19_TH05	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3381	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[06.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3382	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[06.00]_D17_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3383	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[06.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3384	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[07.00]_D19_TH05	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3385	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[07.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3386	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[07.00]_D18_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3387	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[07.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3388	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[07.00]_D18_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3389	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[07.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3390	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3391	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3392	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D19_TH06	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3393	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D18_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3394	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D18_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3395	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D18_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3396	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[08.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3397	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D19_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3398	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3399	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3400	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D19_TH06	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3401	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D19_TH07	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3402	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3403	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3404	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D18_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3405	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[09.00]_D18_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3406	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D19_TH02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3407	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D19_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3408	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D19_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3409	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D19_TH07	11		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3410	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D19_TH08	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3411	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D18_TH01	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3412	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D18_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3413	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[10.00]_D18_TH07	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3414	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D19_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3415	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D19_TH06	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3416	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D19_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3417	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D19_TH08	17		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3418	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D19_TH09	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3419	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D18_TH10	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3420	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[11.00]_D18_TH12	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3421	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[12.00]_D19_TH05	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3422	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[12.00]_D19_TH09	19		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3423	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[12.00]_D18_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3424	CS03041	Thực hành Lập trình cho thiết bị di động	[12.00]_D18_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK7 (22-23)
3425	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[01.00]_D20_TH01	16		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3426	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[01.00]_D20_TH09	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3427	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[01.00]_D17_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3428	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[01.00]_D17_TH02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3429	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[01.00]_D17_TH03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3430	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[01.00]_D17_TH05	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3431	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[02.00]_D20_TH01	14		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)
3432	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[02.00]_D20_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3433	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[02.00]_D20_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3434	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[02.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3435	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[02.00]_D18_TH01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3436	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[02.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3437	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[03.00]_D20_TH01	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3438	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[03.00]_D20_TH02	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3439	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[03.00]_D20_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3440	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[03.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3441	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[03.00]_D17_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3442	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[03.00]_D18_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3443	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3444	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D20_TH02	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3445	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3446	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3447	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3448	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D20_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3449	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_L21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3450	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3451	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D18_TH04	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3452	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[05.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3453	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[06.00]_D20_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3454	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[06.00]_D20_TH03	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3455	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[06.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3456	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[06.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3457	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[06.00]_D18_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3458	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[07.00]_D20_TH03	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3459	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[07.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3460	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[07.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3461	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[07.00]_D18_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3462	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[07.00]_D18_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3463	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3464	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D20_TH03	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3465	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D20_TH04	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3466	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3467	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D20_TH10	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3468	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D18_TH10	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3469	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3470	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[08.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3471	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3472	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D20_TH04	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3473	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3474	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D16_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3475	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3476	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3477	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D18_TH14	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3478	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3479	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[09.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3480	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[10.00]_D20_TH05	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3481	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[10.00]_D20_TH10	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3482	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[10.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3483	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[10.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3484	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[10.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3485	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[10.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3486	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3487	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3488	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D20_TH05	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3489	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D20_TH06	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3490	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3491	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D18_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3492	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[11.00]_D19_TH04	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3493	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3494	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3495	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D20_TH06	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3496	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3497	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3498	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3499	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[12.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3500	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[13.00]_D20_TH06	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3501	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[13.00]_D20_TH07	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3502	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[13.00]_D18_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3503	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[13.00]_D18_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3504	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[13.00]_D18_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3505	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[13.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3506	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D20_TH02	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3507	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D20_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3508	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D20_TH07	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3509	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D17_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3510	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D18_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3511	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3512	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D19_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3513	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[14.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3514	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[15.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3515	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[15.00]_D20_TH07	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3516	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[15.00]_D20_TH08	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3517	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[15.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3518	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[15.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3519	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[15.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3520	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[16.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3521	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[16.00]_D20_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3522	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[16.00]_D20_TH08	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3523	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[16.00]_D19_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3524	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[16.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3525	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[16.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3526	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[17.00]_D20_TH07	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3527	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[17.00]_D20_TH08	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3528	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[17.00]_D20_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3529	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[17.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3530	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[17.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3531	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[18.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3532	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[18.00]_D20_TH09	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3533	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[18.00]_D18_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3534	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[18.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3535	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[19.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3536	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[19.00]_D20_TH09	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3537	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[19.00]_D20_TH10	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3538	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[19.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3539	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3540	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3541	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3542	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3543	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3544	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH10	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3545	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3546	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D18_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3547	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3548	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3549	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[20.00]_D19_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3550	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3551	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D20_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3552	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D20_TH10	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3553	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3554	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3555	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3556	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3557	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3558	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3559	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[21.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3560	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3561	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3562	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3563	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3564	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3565	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3566	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH08	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3567	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3568	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D20_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3569	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D19_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3570	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3571	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[22.00]_D19_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3572	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[23.00]_D20_TH02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3573	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[23.00]_D20_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3574	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[23.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3575	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3576	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3577	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D20_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3578	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D18_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3579	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D18_TH13	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3580	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3581	CS03016	Thực hành Lập trình hướng đối tượng	[24.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3582	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[01.00]_D19_TH01	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3583	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[01.00]_D19_TH06	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3584	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[01.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3585	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[01.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3586	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[02.00]_D19_TH01	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3587	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[02.00]_D19_TH02	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3588	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[02.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3589	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[02.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3590	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[02.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3591	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[03.00]_D19_TH01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3592	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[03.00]_D19_TH02	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3593	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[03.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3594	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[03.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3595	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[03.00]_D18_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3596	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[03.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3597	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[04.00]_D19_TH03	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3598	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[04.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3599	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[04.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3600	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[04.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3601	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[05.00]_D19_TH04	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3602	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[05.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3603	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[05.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3604	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[05.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3605	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[05.00]_D18_TH14	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3606	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[06.00]_D19_TH04	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3607	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[06.00]_D19_TH05	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3608	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[06.00]_D19_TH06	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3609	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[06.00]_D18_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3610	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[07.00]_D19_TH05	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3611	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[07.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3612	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[07.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3613	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[07.00]_D18_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3614	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[07.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3615	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[07.00]_D18_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3616	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D19_TH04	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3617	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3618	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D19_TH06	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3619	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D19_TH07	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3620	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3621	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D18_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3622	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[09.00]_D18_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3623	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[10.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3624	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[10.00]_D19_TH05	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3625	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[10.00]_D19_TH07	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3626	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[10.00]_D19_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3627	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[11.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3628	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[11.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3629	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[11.00]_D19_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3630	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[11.00]_D19_TH08	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3631	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[11.00]_D19_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3632	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[11.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3633	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[12.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3634	CS03039	Thực hành Lập trình Web	[12.00]_D19_TH09	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3635	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3636	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3637	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3638	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3639	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3640	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D17_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3641	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[01.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3642	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3643	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3644	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3645	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH04	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3646	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3647	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3648	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3649	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D17_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3650	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3651	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3652	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3653	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3654	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[02.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3655	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3656	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3657	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D19_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3658	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3659	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3660	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D17_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3661	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D17_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3662	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3663	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D18_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3664	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3665	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[03.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3666	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3667	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D19_TH05	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3668	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3669	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D19_TH07	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3670	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3671	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D19_TH09	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3672	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3673	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D17_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3674	CS03040	Thực hành Lập trình Windows	[04.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
3681	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D21_TH01	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3682	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3683	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D21_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3684	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3685	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D17_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3686	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3687	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3688	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[01.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3689	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[02.00]_D21_TH01	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3690	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[02.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3691	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[02.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3692	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[02.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3693	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[03.00]_D21_TH01	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3694	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[03.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3695	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[03.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3696	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[03.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3697	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[03.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3698	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[04.00]_D21_TH02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3699	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[04.00]_D18_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3700	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[05.00]_D21_TH02	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3701	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[05.00]_D18_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3702	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[05.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3703	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[06.00]_D21_TH02	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3704	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[06.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3705	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[06.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3706	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D21_TH03	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3707	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3708	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3709	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D18_TH03	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3710	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D18_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3711	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D19_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3712	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D19_TH04	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3713	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D19_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3714	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D19_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3715	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[07.00]_D20_TH08	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3716	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D21_TH03	18		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3717	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D21_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3718	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D21_TH08	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3719	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3720	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D21_TH11	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3721	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D18_TH01	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3722	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D18_TH03	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3723	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[08.00]_D19_TH04	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3724	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[09.00]_D21_TH03	18		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3725	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[09.00]_D21_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3726	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[09.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3727	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[09.00]_D21_TH10	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3728	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[09.00]_D18_TH04	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3729	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[10.00]_D21_TH04	18		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3730	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[10.00]_D18_TH05	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3731	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[10.00]_D19_TH05	2		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3732	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D21_TH02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3733	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D21_TH04	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3734	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D21_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
3735	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D18_TH04	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3736	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3737	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3738	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3739	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[11.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3740	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D21_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3741	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D21_TH04	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3742	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D19_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3743	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D19_TH07	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3744	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3745	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3746	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[12.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3747	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[13.00]_D21_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3748	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[13.00]_D21_TH05	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3749	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[13.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3750	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[13.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3751	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[13.00]_D21_TH12	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3752	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[13.00]_D19_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3753	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[14.00]_D21_TH05	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3754	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[14.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3755	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[14.00]_D19_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3756	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[14.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3757	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[14.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3758	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[14.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3759	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[15.00]_D21_TH05	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3760	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[15.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3761	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[15.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3762	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[15.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3763	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[16.00]_D21_TH06	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3764	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[16.00]_D21_TH12	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3765	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[16.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3766	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[17.00]_D21_TH06	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3767	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[17.00]_D20_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3768	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[18.00]_D21_TH06	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3769	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[18.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3770	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[18.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3771	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[19.00]_D21_TH07	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3772	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[20.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3773	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[20.00]_D21_TH07	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3774	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[20.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3775	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[20.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3776	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[20.00]_D20_TH04	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3777	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[21.00]_D21_TH07	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3778	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[21.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3779	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[21.00]_D21_TH11	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3780	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[21.00]_D20_TH04	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3781	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[22.00]_D21_TH08	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3782	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[22.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3783	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[22.00]_D20_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3784	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[22.00]_D20_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3785	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[22.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3786	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[22.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3787	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[23.00]_D21_TH08	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3788	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[23.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3789	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[23.00]_D19_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3790	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[23.00]_D20_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3791	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[24.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3792	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[24.00]_D21_TH08	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3793	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[24.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3794	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[24.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3795	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[24.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3796	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[24.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3797	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[25.00]_D21_TH09	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3798	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[25.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3799	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[25.00]_D20_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3800	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[25.00]_D20_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3801	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[26.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3802	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[26.00]_D21_TH09	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3803	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[26.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3804	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[26.00]_D20_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3805	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[27.00]_D21_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3806	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[27.00]_D21_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3807	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[27.00]_D21_TH09	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3808	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[27.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3809	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[28.00]_D21_TH10	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3810	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[28.00]_D18_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3811	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[28.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3812	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[28.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3813	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[28.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3814	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[29.00]_D21_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3815	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[29.00]_D21_TH10	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3816	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[29.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3817	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[30.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3818	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[30.00]_D21_TH10	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3819	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[30.00]_D19_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3820	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[31.00]_D21_TH10	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3821	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[31.00]_D21_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3822	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[31.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3823	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[31.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3824	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[32.00]_D21_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3825	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[32.00]_D21_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3826	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[32.00]_D20_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3827	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[32.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3828	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[33.00]_D21_TH11	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3829	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[33.00]_D19_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3830	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[33.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3831	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[33.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3832	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D21_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3833	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3834	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D21_TH12	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3835	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D21_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3836	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D18_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3837	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3838	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[34.00]_D20_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3839	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D21_TH12	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3840	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3841	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3842	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3843	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3844	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D20_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3845	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D20_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3846	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[35.00]_D20_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3847	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D21_TH12	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3848	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3849	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D18_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3850	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D18_TH13	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3851	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3852	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3853	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3854	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[36.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3855	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[37.00]_D21_TH13	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3856	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[37.00]_D21_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3857	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[38.00]_D21_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3858	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[38.00]_D21_TH13	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3859	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[39.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3860	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[39.00]_D21_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3861	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[39.00]_D21_TH13	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3862	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[40.00]_D21_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3863	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[40.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3864	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[40.00]_D21_TH14	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3865	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[40.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3866	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[40.00]_D19_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3867	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[40.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3868	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[41.00]_D21_TH14	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3869	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[41.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3870	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[42.00]_D21_TH14	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3871	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[42.00]_D17_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3872	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[42.00]_D18_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3873	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[42.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3874	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[42.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3875	CS09007	Thực hành Nhập môn cấu trúc dữ liệu	[42.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
3876	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D20_TH02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3877	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D20_TH05	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3878	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D20_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3879	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3880	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3881	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3882	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D21_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3883	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[01.00]_D21_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3884	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D18_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3885	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3886	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3887	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3888	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3889	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D20_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3890	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D20_TH10	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3891	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3892	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3893	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3894	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D21_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3895	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D21_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3896	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)
3897	CS09002	Thực hành Nhập môn lập trình	[02.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_NKH (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3898	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D20_TH01	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3899	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3900	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D20_TH03	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3901	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3902	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D17_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3903	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3904	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[01.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3905	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[02.00]_D20_TH01	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3906	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[02.00]_D20_TH03	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3907	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[02.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3908	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[02.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3909	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[02.00]_D20_TH11	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3910	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[02.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3911	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[03.00]_D20_TH01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3912	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[03.00]_D20_TH02	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3913	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[03.00]_D20_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3914	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[03.00]_D20_TH09	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3915	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[03.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3916	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[05.00]_D20_TH02	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3917	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[05.00]_D20_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3918	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[05.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3919	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[05.00]_D20_TH11	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3920	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[05.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3921	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[05.00]_D19_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3922	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D20_TH03	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3923	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3924	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D20_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3925	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3926	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D20_TH10	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3927	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3928	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[06.00]_D19_TH09	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3929	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3930	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3931	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH03	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3932	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3933	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3934	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3935	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3936	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3937	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3938	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[07.00]_D19_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3939	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3940	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3941	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH03	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3942	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH04	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3943	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3944	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3945	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[08.00]_D20_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3946	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[09.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3947	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[09.00]_D20_TH04	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3948	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[10.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3949	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[10.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3950	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[10.00]_D20_TH05	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3951	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[10.00]_D20_TH06	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3952	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[10.00]_D20_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3953	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[10.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3954	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[11.00]_D20_TH02	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3955	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[11.00]_D20_TH05	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3956	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[11.00]_D20_TH06	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3957	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[11.00]_D20_TH07	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3958	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[12.00]_D20_TH01	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3959	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[12.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3960	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[12.00]_D20_TH05	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3961	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[12.00]_D20_TH06	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3962	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[12.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3963	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[13.00]_D20_TH06	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3964	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[13.00]_D20_TH07	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3965	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[13.00]_D20_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3966	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[13.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3967	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[13.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3968	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[16.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3969	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[16.00]_D20_TH08	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3970	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[16.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3971	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D20_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3972	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3973	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D20_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3974	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D20_TH08	13	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3975	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D20_TH09	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3976	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3977	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3978	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[17.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
3979	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[18.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3980	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[18.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3981	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[18.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3982	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[18.00]_D20_TH09	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3983	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[18.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3984	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[19.00]_D20_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3985	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[19.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3986	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[19.00]_D20_TH09	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3987	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[19.00]_D20_TH10	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3988	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[19.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3989	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[19.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3990	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D20_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3991	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3992	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3993	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D20_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3994	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D20_TH10	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3995	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D18_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3996	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[20.00]_D19_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3997	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[21.00]_D20_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3998	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[21.00]_D20_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
3999	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[21.00]_D20_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4000	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[21.00]_D20_TH10	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4001	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[21.00]_D20_TH11	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4002	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4003	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4004	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4005	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4006	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4007	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4008	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4009	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4010	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH10	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4011	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4012	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4013	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[22.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4014	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[24.00]_D20_TH01	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4015	CS09004	Thực hành Nhập môn Web và ứng dụng	[24.00]_D20_TH11	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK5 (22-23)
4016	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D19_TH01	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4017	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4018	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4019	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_L21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4020	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D17_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4021	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D17_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4022	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4023	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4024	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[01.00]_D18_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4025	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D19_TH01	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4026	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D19_TH02	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4027	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4028	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4029	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4030	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4031	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4032	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D18_TH03	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4033	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D18_TH04	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4034	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[02.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4035	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D19_TH02	19	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4036	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4037	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4038	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D18_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4039	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4040	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D18_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4041	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[03.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4042	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D19_TH02	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4043	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D19_TH03	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4044	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D19_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4045	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4046	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D19_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4047	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4048	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4049	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[04.00]_D18_TH14	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4050	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[05.00]_D19_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4051	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[05.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4052	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[05.00]_D19_TH03	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4053	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[05.00]_D19_TH05	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4054	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[05.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4055	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[05.00]_D19_TH08	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4056	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[06.00]_D19_TH03	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4057	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[06.00]_D19_TH04	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4058	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[06.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4059	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[06.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4060	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[06.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4061	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[06.00]_D19_TH09	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4062	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[07.00]_D19_TH01	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4063	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[07.00]_D19_TH04	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4064	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[07.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4065	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[07.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4066	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[07.00]_D19_TH08	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4067	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[07.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4068	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[08.00]_D19_TH01	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4069	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[08.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4070	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[08.00]_D19_TH05	8	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4071	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[08.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4072	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[08.00]_D19_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4073	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[08.00]_D20_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4074	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D19_TH03	5	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4075	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D19_TH05	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4076	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D19_TH06	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4077	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D19_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4078	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4079	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D18_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4080	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[09.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4081	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[10.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4082	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[10.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4083	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[10.00]_D19_TH06	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4084	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[10.00]_D19_TH07	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4085	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[10.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4086	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[11.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4087	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[11.00]_D19_TH06	12	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4088	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[11.00]_D19_TH07	11	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4089	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[11.00]_D19_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4090	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_D19_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4091	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_D19_TH04	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4092	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_D19_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4093	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_D19_TH07	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4094	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_D19_TH09	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4095	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_L21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4096	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[12.00]_D18_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4097	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[15.00]_D19_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4098	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[15.00]_D19_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4099	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[15.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4100	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[15.00]_D19_TH08	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4101	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[15.00]_D19_TH09	14	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4102	CS03034	Thực hành Phát triển phần mềm nguồn mở	[15.00]_D18_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK7 (22-23)
4128	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[05.00]_D22_TH01	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4129	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[06.00]_D22_TH01	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4130	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[06.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4131	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[07.00]_D22_TH01	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4132	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[07.00]_D21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4133	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[08.00]_D22_TH02	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4134	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[09.00]_D22_TH02	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4135	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[09.00]_D18_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4136	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[09.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4137	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[10.00]_D22_TH02	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4138	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[10.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4139	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[11.00]_D22_TH03	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4140	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[11.00]_D20_TH11	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4141	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[12.00]_D22_TH03	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4142	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[12.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4143	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[13.00]_D22_TH03	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4144	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[14.00]_D22_TH04	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4145	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[15.00]_D22_TH04	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4146	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[15.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4147	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[15.00]_D20_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4148	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[16.00]_D22_TH04	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4149	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[17.00]_D22_TH05	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4150	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[18.00]_D22_TH05	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4151	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[18.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4152	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[19.00]_D22_TH05	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4153	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[20.00]_D22_TH06	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4154	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[21.00]_D22_TH06	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4155	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[22.00]_D22_TH06	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4156	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[23.00]_D22_TH07	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4157	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[23.00]_D21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4158	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[24.00]_D22_TH07	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4159	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[25.00]_D22_TH07	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4160	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[26.00]_D22_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4161	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[26.00]_D22_TH08	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4162	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[27.00]_D22_TH08	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4163	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[28.00]_D22_TH08	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4164	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[29.00]_D22_TH09	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4165	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[30.00]_D22_TH09	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4166	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[31.00]_D22_TH09	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4167	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[32.00]_D22_TH10	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4168	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[33.00]_D22_TH10	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4169	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[34.00]_D22_TH10	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4170	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[35.00]_D22_TH11	30	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4171	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[36.00]_D22_TH11	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4172	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[37.00]_D22_TH11	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4173	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[38.00]_D22_TH12	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4174	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[39.00]_D22_TH12	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4175	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[40.00]_D22_TH12	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4201	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[49.00]_D22_TH13	26	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4202	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[50.00]_D22_TH13	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4203	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[51.00]_D22_TH13	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4204	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[52.00]_D22_TH14	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4205	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[53.00]_D22_TH14	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4206	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[54.00]_D22_TH14	28	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4207	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[55.00]_D22_TH15	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4208	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[56.00]_D22_TH15	27	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4209	GS59002	Thực hành Tin học đại cương	[57.00]_D22_TH15	29	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK1 (22-23)
4211	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[01.00]_D21_TH01	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4212	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[01.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4213	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[01.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4214	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[01.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4215	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[01.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4216	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[02.00]_D21_TH01	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4217	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[02.00]_D21_TH02	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4218	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[02.00]_D21_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4219	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[02.00]_D21_TH12	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4220	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[03.00]_D21_TH01	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4221	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[03.00]_D19_TH02	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4222	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[04.00]_D21_TH02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4223	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[04.00]_D21_TH07	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4224	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[04.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4225	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[05.00]_D21_TH02	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4226	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[05.00]_D18_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4227	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[05.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4228	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[06.00]_D21_TH02	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4229	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[07.00]_D21_TH03	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4230	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[07.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4231	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[08.00]_D21_TH03	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4232	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[08.00]_D21_TH08	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4233	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[08.00]_D21_TH11	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4234	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[08.00]_D21_TH12	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4235	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[09.00]_D21_TH03	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4236	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[09.00]_D18_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4237	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[09.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4238	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[09.00]_D19_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4239	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[10.00]_D21_TH04	17	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4240	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[10.00]_D21_TH05	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4241	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[10.00]_D21_TH11	9	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4242	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[10.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4243	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[11.00]_D21_TH01	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4244	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[11.00]_D21_TH03	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4245	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[11.00]_D21_TH04	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4246	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[11.00]_D21_TH12	6	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4247	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[11.00]_D18_TH13	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4248	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[11.00]_D20_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4249	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[12.00]_D21_TH04	18	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4250	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[12.00]_D21_TH08	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4251	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[12.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4252	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[12.00]_D21_TH11	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4253	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[14.00]_D21_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4254	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[14.00]_D21_TH05	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4255	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[14.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4256	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[15.00]_D21_TH05	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4257	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[15.00]_D21_TH14	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4258	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[16.00]_D21_TH06	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4259	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[16.00]_D19_TH07	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4260	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[16.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4261	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[17.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4262	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[17.00]_D21_TH06	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4263	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[17.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4264	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[17.00]_D18_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4265	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[17.00]_D20_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4266	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[18.00]_D21_TH05	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4267	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[18.00]_D21_TH06	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4268	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[18.00]_D21_TH07	4	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4269	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[19.00]_D21_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4270	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[19.00]_D21_TH07	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4271	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[19.00]_D21_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4272	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[19.00]_D20_TH06	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4273	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[19.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4274	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[21.00]_D21_TH07	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4275	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[21.00]_D20_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4276	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[22.00]_D21_TH08	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4277	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[22.00]_D21_TH09	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4278	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[23.00]_D21_TH08	21	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4279	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[23.00]_D21_TH09	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4280	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[25.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4281	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[25.00]_D21_TH05	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4282	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[25.00]_D21_TH09	22	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4283	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[25.00]_D21_TH10	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4284	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[27.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4285	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[27.00]_D21_TH09	25	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4286	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[28.00]_D21_TH10	23	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4287	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[28.00]_D21_TH11	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4288	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[28.00]_D19_TH09	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4289	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[29.00]_D21_TH10	20	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4290	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[29.00]_D20_TH01	2	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4291	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[30.00]_D21_TH10	24	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4292	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[32.00]_D21_TH08	10	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4293	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[32.00]_D21_TH11	15	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4294	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[32.00]_D21_TH12	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4295	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[33.00]_D21_TH08	3	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4296	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[33.00]_D21_TH11	16	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4297	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[33.00]_D21_TH12	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4298	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[35.00]_D21_TH04	1	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)
4299	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[35.00]_D21_TH05	7	Khoa/Giảng viên tổ chức thi				DH_HK3 (22-23)

STT	MAMH	Tên môn học	Tên lớp	SLSV	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Bậc - HK
4300	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[35.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4301	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[35.00]_D21_TH12	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4302	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[36.00]_D21_TH02	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4303	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[36.00]_D21_TH07	6		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4304	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[36.00]_D21_TH08	4		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4305	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[36.00]_D21_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4306	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[36.00]_D21_TH12	17		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4307	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[37.00]_D21_TH13	24		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4308	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[38.00]_D21_TH13	20		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4309	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[38.00]_D20_TH05	5		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4310	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[39.00]_D21_TH07	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4311	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[39.00]_D21_TH13	22		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4312	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[39.00]_D19_TH09	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4313	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[39.00]_D20_TH06	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4314	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[40.00]_D21_TH07	8		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4315	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[40.00]_D21_TH14	19		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4316	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[41.00]_D21_TH11	1		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4317	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[41.00]_D21_TH12	3		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4318	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[41.00]_D21_TH14	21		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)
4319	CS09008	Thực hành Tổ chức cấu trúc máy tính	[42.00]_D21_TH14	19		Khoa/Giảng viên tổ chức thi			DH_HK3 (22-23)